

Bản án số: 476/2019/DS-ST

Ngày: 29/10/2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Huỳnh Đệ.
2. Bà Vũ Thị Thân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Hoài – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Việt Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 518/2018/TLST-DS ngày 24/12/2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2019/QĐXXST-DS ngày 17/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2019/QĐST-DS ngày 07/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V ; địa chỉ trụ sở: đường L, phường L, Quận Đ, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên lạc: đường P, Phường K, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hữu Q (hoặc ông Trần Văn N) - Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 01/7/2019).

Ông Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Tố N, sinh năm 1976;

Địa chỉ: đường N, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh;

Bà N vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/11/2018 của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Hữu Q là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (viết tắt là “Ngân hàng”) căn cứ vào Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn lập ngày 20/7/2016 của bà Trần Tố N đã cho bà N vay số tiền

là 52.500.000 đồng, lãi suất 42%/năm, lãi suất cố định trong suốt thời hạn vay, thời hạn vay là 24 tháng, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc tối thiểu hàng tháng là 2.700.000 đồng và tiền lãi tối thiểu là 600.000 đồng. Thực hiện hợp đồng, ngày 27/7/2016 Ngân hàng đã giải ngân và bà N đã nhận đủ số tiền vay. Bà N đã thanh toán cho Ngân hàng được 08 kỳ với số tiền trả nợ gốc là 11.308.680 đồng và tiền lãi là 15.396.037 đồng. Kể từ ngày 07/3/2017, bà N không thanh toán khoản nợ vay của Ngân hàng. Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên từ ngày 07/3/2017 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 29/10/2019, bà Trần Tố N còn nợ Ngân hàng số tiền 107.978.407 đồng, trong đó, nợ gốc là 41.191.320 đồng, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là 66.787.087 đồng.

Ngày 07/01/2017, bà Trần Tố N tiếp tục đề nghị Ngân hàng phát hành thẻ tín dụng VP Bank, theo đó, Ngân hàng cấp thẻ tín dụng cho bà N với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất trong hạn được tính theo Biểu suất tính lãi thẻ áp dụng qua từng thời kỳ của Ngân hàng, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Trần Tố N đã sử dụng số tiền nợ gốc tính đến ngày quá hạn 21/4/2017 là 8.771.654 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày khởi kiện, bà N chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 1.427.000 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà N vẫn không thực hiện việc trả nợ. Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên từ ngày 21/4/2017 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 29/10/2019, bà Trần Tố N còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 8.771.654 đồng, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là 13.450.074 đồng. Bà N đã trả được 1.427.000 đồng, hiện còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng là 20.794.728 đồng.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Hữu Q đại diện hợp pháp của Ngân hàng có gửi đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bản tự khai trình bày yêu cầu của nguyên đơn. Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Tố N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền của cả hai khoản nợ tính đến ngày 29/10/2019 tổng cộng là 107.978.407 đồng + 20.794.728 đồng = 128.773.135 đồng (Một trăm hai mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn một trăm ba mươi lăm đồng), trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà Trần Tố N còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/10/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất bà N đã thỏa thuận với Ngân hàng.

Ngân hàng chỉ cho cá nhân bà Trần Tố N vay tiền, không liên quan đến người khác, do đó Ngân hàng chỉ yêu cầu cá nhân bà N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ nêu trên.

Bị đơn bà Trần Tố N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án chưa thực hiện đúng một số thủ tục về thời gian giao các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ

của mình. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Trần Tố N trả số tiền còn nợ. Theo Kết quả xác minh của Công an Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn bà Trần Tố N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số đường N, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện bà N không còn cư ngụ tại địa phương. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao : “*Trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung*”. Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú, đã từng cư trú tại Quận 11 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V do ông Nguyễn Hữu Q làm đại diện có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Bị đơn bà Trần Tố N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Bà N được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng bà N vắng mặt không rõ lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, bà N đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] *Về yêu cầu của nguyên đơn:*

3.1 Đối với Hợp đồng tín dụng giải ngân ngày 27/7/2016:

Căn cứ vào Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn lập ngày 20/7/2016 được ký giữa bà Trần Tố N và Ngân hàng; căn cứ vào Bảng liệt kê lịch sử thanh toán của nguyên đơn, có cơ sở để xác định bà N đã vay của Ngân hàng số tiền là 52.500.000 đồng, lãi suất 42%/năm, lãi suất cố định trong suốt thời hạn vay, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, thời hạn vay 24 tháng. Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay cho bà N vào ngày 27/7/2016. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà N đã thanh toán cho Ngân hàng được 08 kỳ với số tiền trả nợ gốc là 11.308.680 đồng và tiền lãi là

15.396.037 đồng. Kể từ ngày 07/3/2017 cho đến nay, bà N không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng, vì vậy từ ngày 21/4/2017 Ngân hàng đã chuyển khoản nợ của bà N thành khoản nợ quá hạn theo quy định trong bản Điều khoản và điều kiện về sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn được thỏa thuận giữa bà N và Ngân hàng. Tính đến ngày 29/10/2019, bà Trần Tố N còn nợ Ngân hàng số tiền 107.978.407 đồng, trong đó, nợ gốc là 41.191.320 đồng, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là 66.787.087 đồng.

3.2 Đối với Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử lập ngày 07/01/2017:

Căn cứ vào Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng ký giữa Ngân hàng và bà Trần Tố N, Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở xác định bà N đã được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng có hạn mức 10.000.000 đồng. Mở thẻ ngày 11/01/2017, sau khi cấp thẻ, bà N đã sử dụng thẻ với số tiền nợ gốc tính đến ngày quá hạn 21/4/2017 là 8.771.654 đồng. Bà N đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 1.427.000 đồng. Kể từ ngày 11/01/2017 cho đến nay bà N không thanh toán cho Ngân hàng khoản tiền nào. Từ ngày 21/4/2017, Ngân hàng đã chuyển khoản nợ của bà N sang khoản nợ quá hạn theo quy định được hai bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng.

Theo quy định tại Điều 91, Điều 93, khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V là tổ chức tín dụng được quyền cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng, Ngân hàng và bà N được quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng theo quy định của pháp luật. Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà N thanh toán khoản tiền nợ gốc còn lại là 8.771.654 đồng là có căn cứ.

Căn cứ vào điểm c khoản 4 Điều 13 và Điều 20 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng thì: *“Tổ chức tín dụng chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà khách hàng không trả được nợ đúng hạn theo thỏa thuận và không được tổ chức tín dụng chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ”*.

“Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn”.

Ngày 11/01/2017 bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đến ngày 21/4/2017, Ngân hàng xác định bà N không trả nợ đúng hạn và số dư nợ gốc chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận giữa bà N và Ngân hàng là phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà N thanh toán số tiền lãi quá hạn tính từ ngày 21/4/2017 đến ngày 29/10/2019 với số tiền 12.023.074 đồng là có căn cứ.

Trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Trần Tố N nhưng bà N vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện, không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để bảo vệ quyền lợi của mình, cũng như không có bất cứ sự phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ và không có cơ sở để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng

cứ do nguyên đơn giao nộp và tài liệu, chứng cứ do Toà án thu thập để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở buộc bà Trần Tố N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền của cả 02 khoản nợ tính đến ngày 29/10/2019 tổng cộng là 128.773.135 đồng, trong đó, khoản nợ của Hợp đồng tín dụng là 107.978.407 đồng và khoản nợ thẻ tín dụng là 20.794.728 đồng. Bà N còn phải trả tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 30/10/2019 cho đến khi bà N thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất mà bà N đã thỏa thuận với Ngân hàng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V là tổ chức tín dụng có chức năng kinh doanh tiền tệ. Việc bị đơn chậm thanh toán nợ như trên gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Trần Tố N phải thanh toán toàn bộ khoản nợ trên một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Ngân hàng không phải chịu án phí và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí. Bà Trần Tố N phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, 244, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào điểm c khoản 4 Điều 13 và Điều 20 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V về việc yêu cầu bà Trần Tố N trả nợ.

2. Buộc bà Trần Tố N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền còn nợ tính đến ngày 29/10/2019 là 128.773.135 đồng (Một trăm hai mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn một trăm ba mươi lăm đồng), trong đó khoản nợ của Hợp đồng tín dụng là 107.978.407 đồng và khoản nợ thẻ tín dụng là 20.794.728 đồng. Trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Trần Tố N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất

mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Tố N phải chịu án phí là 6.438.657 đồng (Sáu triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm năm mươi bảy đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.438.192 đồng (Hai triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn một trăm chín mươi hai đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0009466 ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TANDTP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Phúc

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 08 giờ 50 phút, ngày 29 tháng 10 năm 2019.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Thân;
2. Ông Lâm Huỳnh Đức.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 518/2018/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (VP Bank); địa chỉ trụ sở: 89 đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên lạc: Tầng 2, số 296 đường Phan Xích Long, Phường 7, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hữu Quý (hoặc ông Trần Văn Năm) - Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 01/7/2019).

2. Bị đơn: Bà Trần Tố N, sinh năm 1976;

Địa chỉ: 262/16 đường Nguyễn Thị Nhỏ, Phường 4, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V về việc yêu cầu bà Trần Tố N trả nợ.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

2. Buộc bà Trần Tố N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền còn nợ tính đến ngày 29/10/2019 là 128.773.135 đồng (Một trăm hai mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn một trăm ba mươi lăm đồng), trong đó khoản nợ của Hợp đồng tín dụng là 107.978.407 đồng và khoản nợ thẻ tín dụng là 20.794.728 đồng. Trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Trần Tố N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Tố N phải chịu án phí là 6.438.657 đồng (Sáu triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm năm mươi bảy đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.438.192 đồng (Hai triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn một trăm chín mươi hai đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0009466 ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 20 phút, ngày 29 tháng 10 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Phúc